

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: 329/BSG-KTTK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019
Ho Chi Minh City, March 28th 2019

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn**
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : SAB
Security symbol : SAB
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 155/2015/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation (SABECO) explained the Audited consolidated financial statement of 2018 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:
Consolidated income statement:

Đơn vị tính: VND/ Unit: VND

KHOẢN MỤC/ ITEMS	Year		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2018	2017		
A	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Sales	36,043,018,331,946	34.438.171.048.592	1,604,847,283,354	5%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Less deductions	94,465,769,999	244.780.494.353	(150,314,724,354)	-61%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net sales	35.948.552.561.947	34.193.390.554.239	1.755.162.007.708	5%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of sales	27.864.413.389.551	25.327.872.489.662	2.536.540.899.889	10%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross Profit	8.084.139.172.396	8.865.518.064.577	(781.378.892.181)	-9%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	630.350.383.424	506.107.630.554	124.242.752.870	25%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	74,634,952,869	(25.805.674.678)	100,440,627,547	-389%
- Trong đó: Chi phí lãi vay/ <i>Including: Interest expenses</i>	35.244.808.353	42.111.534.689	(6.866.726.336)	-16%



8. Phần lợi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết/ Profit sharing from investment in joint ventures and associates	354.965.023.940	411.873.934.391	(56.908.910.451)	-14%
9. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	2,731,090,859,491	2.811.111.874.500	(80,021,015,009)	-3%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	912,705,312,866	935.974.797.536	(23,269,484,670)	-2%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	5,351,023,454,534	6.062.218.632.164	(711,195,177,630)	-12%
12. Thu nhập khác/ Other income	81.737.853.570	106.139.463.217	(24.401.609.647)	-23%
13. Chi phí khác/ Other expenses	42,321,666,596	91.266.440.247	(48,944,773,651)	-54%
14. Lợi nhuận khác/ Net other income	39,416,186,974	14.873.022.970	24,543,164,004	165%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Net accounting profit before tax	5,390,439,641,508	6.077.091.655.134	(686,652,013,626)	-11%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Business income tax - current	1,021,134,431,877	1.140.540.458.945	(119,406,027,068)	-10%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Business income tax - deferred	(33,444,736,793)	(12.048.055.679)	(21,396,681,114)	178%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	4,402,749,946,424	4.948.599.251.868	(545,849,305,444)	-11%
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ/ Profit after tax attributable to the Company	4.177.432.235.379	4.711.485.204.585	(534,052,969,206)	-11%
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát/ Profit after tax attributable to non-controlling interests	225.317.711.045	237.114.047.283	(11.796.336.238)	-5%

0583
CỘNG
HÒA
PHẦN
RƯỚC
HẢI KH
GÒN
HỒ CHÍ

Lợi nhuận gộp giảm so với cùng kỳ chủ yếu do chi phí nguyên vật liệu và chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt cao hơn.

Lợi nhuận sau thuế thấp hơn là do lợi nhuận từ liên doanh liên kết giảm và chi phí tài chính cao hơn.

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018 cao hơn kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 theo Nghị quyết số 87/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/07/2018 do chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp thấp hơn nhờ vào việc kiểm soát tốt chi phí và doanh thu tài chính cao hơn.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán của SABECO.

Trân trọng./.

Gross Profit has declined vs last year mainly due to higher cost of materials and higher special sales tax.

Profit after tax is lower as a result of lower profit from affiliate and higher financial



expense.

Full year profit after tax is higher than the approved budget at 2018 AGM according to Resolution No. 87/2018/NQ-ĐHĐCĐ dated July 21st 2018 due to lower selling and general administrative expenses resulting from better control of costs and higher finance income.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's Audited consolidated financial statements of 2018.

Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- CT. HĐQT/ Chairman;
- Lưu: Văn thư/ Save at the Office.

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Neo Gim Siong Bennett

